

## Làng, liên làng và siêu làng

(—Mấy suy nghĩ về phương pháp—)

Hà Văn Tấn

Có nghiên cứu làng xã, chúng ta mới nhận thức đầy đủ xã hội và văn hóa Việt Nam trong lịch sử cũng như tìm được những biện pháp đúng đắn để xây dựng nông thôn mới hiện tại. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của việc nghiên cứu làng xã thật rõ ràng. Có lẽ chẳng cần nói gì thêm về điều này.

Chúng ta mừng là gần đây đã có những công trình nghiên cứu khá tốt về làng xã, ngoài những phần miêu tả có giá trị, đã nêu lên những mô hình nhằm vạch rõ cơ chế của làng xã Việt Nam cổ truyền. Nhưng đáng tiếc là trong đó không ít những khái quát không có mối liên hệ rõ rệt với tài liệu thực tế được miêu tả. Thậm chí có những khái quát được mượn từ bên ngoài, có sẵn, đó là những nhận định tưởng như là lô gích nhưng thực ra là tiên nghiệm. Và đặc biệt là hiện nay, chúng ta thường gặp khá nhiều mệnh đề đánh giá đề cao cái gọi là văn minh xóm làng trong khi rất ít gặp những sự phân tích đầy đủ và thỏa đáng về nó.

Tình trạng đó không phải là không thể giải thích. Đề tài nghiên cứu làng xã cơ bản là một đề tài xã hội học-dân tộc học. Khi nghiên cứu nó như một đề tài sử học nghĩa là biến nó thành một đề tài xã hội học — lịch sử, ngoài những tài liệu quan sát trực tiếp, chúng ta cần có những tài liệu lịch đại. Điều đáng tiếc là những tài liệu giúp ta đi sâu vào kết cấu làng xã hiện còn, thường không sớm hơn thế kỷ XVII. Vì thiếu tài liệu, trong các công trình nghiên cứu làng xã Việt Nam trong lịch sử, phương pháp hồi cố «lấy nay suy ra xưa», «lấy muộn suy ra sớm» vẫn chiếm một vị trí đáng kể. Và vì vậy, hiển nhiên khó tránh được những suy diễn, những giả thuyết không được chứng minh hay chứng minh yếu.

Nhưng sự thiếu tài liệu lịch sử về làng xã không phải là lý do duy nhất để cắt nghĩa tình trạng nói trên. Ở đây còn có vấn đề phương pháp. Có thể thấy rằng phương pháp hệ thống-cấu trúc tỏ ra có hiệu quả trong việc nghiên cứu làng xã. Làng được coi như một hệ thống riêng gồm những yếu tố hợp thành. Tùy theo đối tượng nghiên cứu của mình mà người nghiên cứu chọn lựa các yếu tố hợp thành khác nhau của hệ thống. Chẳng hạn, có thể nghiên cứu làng như một hệ thống xã hội gồm các nhóm xã hội, các đẳng cấp, các «tích», các nhóm tuổi v. v. hay nghiên cứu làng như một hệ thống kinh tế gồm các nhóm, các ngành hoạt động sản xuất nghề nghiệp v. v., hoặc là như một hệ thống kinh

tế—xã hội mà các yếu tố hợp thành chẳng chéo phère tạp hơn. Bản thân các yếu tố của hệ thống làng lại cũng có thể coi là những hệ thống con dễ nghiên cứu riêng biệt như gia đình, dòng họ, phe giáp v.v... Điều chủ yếu mà người nghiên cứu hướng tới là vạch ra mối liên hệ tương tác giữa các yếu tố bên trong của hệ thống, nêu lên cơ chế vận hành của hệ thống. Những công trình nghiên cứu làng xã gần đây phần nào đã tiến hành theo cách đó. Ngay làng xã, như một thực thể khách quan, đã là một hệ thống biệt lập nửa đóng, điều đó là một thuận lợi cho việc sử dụng phương pháp hệ thống—cấu trúc có kết quả. Ta có thể coi làng như một vi vũ trụ (microcosmos) qua đó ảnh xạ các đặc điểm xã hội và lịch sử Việt Nam.

Nhưng chính do phương pháp tiếp cận (mặc dầu không phải lỗi của nó) cũng như do tính độc lập tương đối của làng, người nghiên cứu thường chỉ chú ý đến những liên hệ trong hệ thống mà ít chú ý hơn đến những liên hệ ngoài hệ thống. Rồi dường như dần dần người ta quên đi những mối liên hệ đó hoặc là tưởng rằng những mối liên hệ ngoài hệ thống cũng là do sự phát triển mở rộng các mối liên hệ trong hệ thống mà hình thành. Tất nhiên là trong các công trình nghiên cứu về làng xã hiện nay, người ta không quên nói rằng các làng xã Việt Nam không đóng kín như công xã Ấn Độ. Thực ra thì nhận định này cũng không phải là đã được đưa ra từ một sự so sánh thấu đáo các đặc điểm khác biệt giữa làng xã Việt Nam và công xã Ấn Độ hay các nơi khác. Nhưng dầu có nói rằng làng Việt Nam không đóng kín, trên thực tế, người ta đã trình bày nó như một thể cô lập, bất biến. Trong thực tế người ta đã coi nước như tổng các làng, coi dân tộc như tổng các cộng đồng làng, coi văn hóa Việt Nam cổ truyền như tổng văn hóa làng.

Để tránh các khái quát phiến diện, đã đến lúc chúng ta phải chú ý đầy đủ đến các mối liên hệ giữa làng với bên ngoài, tức những mối liên hệ ngoài cấu trúc. Có thể chia những liên hệ đó ra làm hai loại: Một loại gồm những liên hệ giữa làng này với làng khác, tức mối liên hệ giữa các hệ thống tương đương, mà ở đây tôi gọi là liên hệ LIÊN LÀNG. Loại thứ hai gồm những liên hệ giữa làng với cộng đồng hay khu vực rộng lớn hơn, tức mối liên hệ giữa hệ thống con là làng với các hệ thống lớn chứa đựng nó, mà ở đây tôi gọi là liên hệ SIÊU LÀNG. Cộng đồng siêu làng rộng hẹp với các thứ bậc khác nhau. Khi cộng đồng tộc người đã tiến tới trình độ dân tộc thì cộng đồng siêu làng lớn nhất là nước, là dân tộc.

Luôn luôn phải nhớ rằng trong lịch sử Việt Nam, từ rất lâu, các cộng đồng siêu làng đã tồn tại song song với cộng đồng làng, chứ không phải cộng đồng làng đã mở rộng thành cộng đồng siêu làng, không phải làng mở rộng thành nước. Cần đặc biệt chú ý điểm này vì nếu không thấy được như vậy, dễ nảy sinh các nhận định không đúng về mối quan hệ giữa làng với nước.

Chẳng hạn, trong một số quyển sử hay sách nghiên cứu về làng xã gần đây người ta viết rằng ý thức cộng đồng làng xã phát triển thành ý thức quốc gia và ý thức dân tộc. Viết như thế dễ gây ra ngộ nhận. Thực ra, ý thức dân tộc là phát triển lên từ ý thức cộng đồng siêu làng tiền dân tộc chứ không phải là phát triển lên từ ý thức làng. Ở đây cần phải thấy được mối liên hệ biện chứng giữa ý thức cộng đồng làng và ý thức cộng đồng dân tộc. Ý thức cộng đồng làng và ý thức cộng đồng nước có những mặt thống nhất nhưng cũng có những mặt đối

lập. Cái gần gũi là tình cảm gần bó với nơi cư trú, với nơi chôn rau cắt rốn. Nhưng giữa ý thức làng và ý thức nước có một cái ngưỡng không dễ vượt qua được, nếu chỉ với tình quê hương đó thôi. Lịch sử cho ta biết không ít những trường hợp có sự đối lập giữa làng và nước. Đó cũng là vấn đề chúng ta phải giải quyết trong thực tiễn hiện tại. Không thể nói một cách đơn giản là ý thức làng xã phát triển thành ý thức dân tộc. Sở dĩ các thành viên làng xã, ngoài ý thức cộng đồng làng, có được ý thức cộng đồng dân tộc là vì cùng với làng, từ lâu đời, đã có sự tồn tại của cộng đồng siêu làng mà người ta có thể cảm nhận được qua những mối liên hệ liên làng và siêu làng. Những mối liên hệ liên làng và siêu làng đó rất đa dạng và tất nhiên không phải phát triển giống nhau giữa các làng. Các làng thủ công nghiệp và các làng thương nghiệp có những mối liên hệ liên làng và siêu làng mạnh mẽ hơn là những làng thuần túy nông nghiệp. Nhưng không phải các làng nông nghiệp là không có những mối liên hệ liên làng và siêu làng. Ngay trong một làng, mối liên hệ siêu làng cũng khác nhau giữa các nhóm xã hội. Chẳng hạn, đối với nho sĩ ở làng, thì « làng nho » rộng hơn làng, và đạo nho lại tạo ra một thế giới tinh thần siêu làng.

Chính từ những mối liên hệ siêu làng mà hình thành ý thức cộng đồng siêu làng, rồi từ ý thức cộng đồng siêu làng tiến dần tới hình thành ý thức cộng đồng siêu làng dân tộc, chứ không phải là ý thức cộng đồng làng phát triển thành ý thức cộng đồng dân tộc.

Có người nhận định rằng trong các thời kỳ đất nước ta bị ngoại xâm như thời kỳ Bắc thuộc, nước mất nhưng còn làng, và nhờ còn làng mà cuối cùng còn nước. Tôi cũng từng cho đó là câu nói hay. Nhưng thực ra, câu này hay nhờ biện pháp tu từ hơn là nói được bản chất của hiện tượng. Ta phải hiểu rằng nói nước mất là nói chủ quyền về một cộng đồng siêu làng đã mất. Nhưng vì đã từng có một cộng đồng như vậy tồn tại nên đã tạo ra ý thức về cộng đồng đó. Chính nhờ ý thức về một cộng đồng siêu làng như vậy mà các làng khác nhau đã nổi dậy để chiếm lại cái cộng đồng siêu làng đã mất, chiếm lại nước. Nếu không có ý thức cộng đồng đó, không dễ gì đã có sự liên kết các làng. Cho nên nói cuộc nổi dậy là từ làng, nhưng thực ra bao giờ cũng nhanh chóng vượt ra giới hạn làng, và thường có sự tham gia của « người hàng xóm » ở làng khác, hoặc từ những nơi rất xa. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng là vậy mà khởi nghĩa Lam Sơn cũng là vậy.

Và lại cũng cần định nghĩa rõ thế nào là mất nước mà còn làng. Mất nước là mất chủ quyền của nước. Nhưng nước mất thì chủ quyền của làng còn toàn vẹn đến đâu? Ở đây cũng lại phải xét về mức độ và khu vực, không thể nói chung chung được. Có thể nói một cách vắn vẽ rằng xóm làng là đòn bẩy thần thánh đẩy lên những cuộc khởi nghĩa giành lại nước, nhưng nên nhớ rằng lực tác động chủ yếu vào đòn bẩy đó là ý thức nước, tức cộng đồng siêu làng, chứ không phải là ý thức làng. Nếu làng còn thì cuộc nổi dậy hẳn không phải vì ý thức làng. Còn nếu như cho rằng ý thức làng cũng tác động vào cái đòn bẩy thần thánh đó, thì đó là vì làng cũng mất. Đây hoàn toàn không phải là vấn đề các từ ngữ. Đây là vấn đề quan trọng đối với việc nhận thức mối quan hệ giữa làng và nước, giữa cộng đồng làng xã và cộng đồng dân tộc, cũng như đối với việc đánh giá vị trí của làng xã trong lịch sử dân tộc.

Liên quan với vấn đề này là vấn đề văn hóa-văn minh xóm làng. Hiện nay người ta nói khá nhiều về cái gọi là văn hóa xóm làng nhưng đáng tiếc là không có định nghĩa rõ ràng. Văn hóa xóm làng là văn hóa nông dân hay văn hóa nông thôn? Đó là văn hóa được biểu hiện ra trong xóm làng hay là văn hóa được đặc trưng bằng kết cấu xóm làng? Vì không có định nghĩa rõ ràng, hiện tại chúng ta không thể « đánh giá sự đánh giá » cái gọi là văn hóa xóm làng.

Nhưng sau định nghĩa nó như thế nào, chúng ta cũng phải luôn luôn nhớ rằng văn hóa làng bao giờ cũng là một bộ phận của văn hóa siêu làng. Đường biên của cộng đồng văn hóa bao giờ cũng là đường biên của khu vực có quy mô siêu làng. Những sắc thái riêng biệt của văn hóa từng làng không đủ để làm nổi rõ đường biên ở kích thước làng. Ngay trong thời nguyên thủy, khi làng định cư chưa xuất hiện, thì cộng đồng văn hóa đã hình thành trên một khu vực khá rộng. Cho đến khi làng định cư xuất hiện thì cộng đồng văn hóa vẫn có quy mô siêu làng. Cộng đồng văn hóa này tùy theo giai đoạn mà lúc rộng lúc hẹp, nhưng bao giờ cũng là cộng đồng siêu làng. Ta có thể nói bản chất của cộng đồng văn hóa là siêu làng. Điều đó cũng dễ hiểu vì những mối liên hệ cơ bản của cộng đồng văn hóa như ngôn ngữ, tộc thuộc... luôn luôn là liên hệ siêu làng.

Vì vậy, nếu xét về đường biên cộng đồng văn hóa, thì chúng ta có thể nói rằng không có văn hóa làng. Khi nói tới văn hóa làng là ta nhìn nhận nó với ý nghĩa mô thức văn hóa. Mô thức văn hóa làng như thế nào, chúng ta cần nghiên cứu. Nhưng mô thức này phải được liên hệ với cấu trúc làng. Làng Việt Nam không phải là cấu trúc đóng mà là cấu trúc mở, chỉ ít là nửa mở. Những mối liên hệ liên làng và siêu làng luôn luôn tác động đến làng, làm cho làng biến chuyển. Làng là một cấu trúc động. Không có làng bất biến. Sau lũy tre xanh, bao biến động đã xảy ra. Ruộng đất tư dần dần ruộng đất công. Thân phận cá nhân, gắn liền với các đẳng cấp mà sự phân chia không nghiêm ngặt, luôn luôn có sự xáo động. Phật giáo, đạo giáo, nho giáo rồi thiên chúa giáo kế nhau và cùng nhau thấm vào làng. Như vậy là đã xảy ra những biến động về kinh tế, xã hội và văn hóa tư tưởng trong làng. Có thể thấy rằng cái ít biến đổi của làng là do những cái ít biến đổi của cộng đồng siêu làng hay đất nước quy định. Và cái biến đổi của làng cũng xảy ra trong những biến đổi chung của đất nước. Số phận của làng gắn liền với số phận của đất nước. Cộng đồng làng biến chuyển cùng với cộng đồng siêu làng. Tất nhiên là tốc độ biến chuyển của làng và của cộng đồng siêu làng không phải bao giờ cũng giống nhau. Ở đây ta phải kể đến quán tính của làng và sự chi phối của các lực khác.

Một số người Pháp thường ca tụng một cách cố ý tính chất tự trị dân chủ của làng. Thậm chí họ còn đưa ra luận điểm cho rằng xã hội Việt Nam chỉ thay đổi « mặt tiền » còn cấu trúc bên trong với làng xã thì không thay đổi. Cái lý thuyết biến đổi « mặt tiền » này từng hấp dẫn một số nhà nghiên cứu Việt Nam. Phải thấy rằng kết cấu làng xã chính là kiểu thức lắp ráp kèo cột của ngôi nhà xã hội Việt Nam cổ truyền. Ngôi nhà chưa bị phá, chưa đổ, thì cái khung đó vẫn còn nhưng không phải vì thế mà ngày thơ tin rằng gỗ vẫn tốt nguyên, không bị một ruỗng ở bên trong.

Có thể lúc nào đó, vào giai đoạn sớm, cộng đồng làng còn có mang ít nhiều yếu tố dân chủ, di sản của cộng đồng thị tộc. Nhưng cùng với quá trình phân tầng mãnh liệt trong nông thôn, phân chia giai cấp, đẳng cấp và sự đấu tranh giữa các nhóm xã hội đó, làng đã mất hết tính chất dân chủ. Đứng lên lột tự trị với dân chủ. Những tầng lớp trên của làng thường muốn cắt rời cộng đồng làng với cộng đồng nước để dễ bề khuynh loát, khống chế. Ở đây, tự trị đối lập

với dân chủ, tự trị giết chết dân chủ. Và chế độ gia trưởng cũng là kẻ thù muôn thủa của dân chủ. Chớ tưởng rằng Hội nghị Diên Hồng thời Trần là một biểu hiện yếu tố dân chủ cổ truyền của làng xã. Hội nghị Diên Hồng chỉ xảy ra vào lúc ý thức cộng đồng nước vượt lên trên ý thức cộng đồng làng. Trong hiện tại, không thể nói đến việc phát huy truyền thống dân chủ từ làng xã cổ truyền. Nền dân chủ hiện tại là có nguồn gốc mới thuộc về cộng đồng nước, siêu làng.

Như ta thấy, làng cổ truyền là cơ chế thích ứng với sản xuất tiểu nông, với gia đình-tông tộc gia trưởng. Vì vậy mà sức sống của nó trong lịch sử thật kỳ lạ, thậm chí có lúc bị phá nát ra thì sau đó nó lại tái sinh, y như con thủy tức. Cùng với cấu trúc và thiết chế của làng, tâm lý ý thức làng hình thành và có sức ý không kém. Nếu như các mối liên hệ liên làng và siêu làng đã tác động đến làng thì ngược lại, tâm lý ý thức làng cũng tác động đến các mối liên hệ siêu làng. Người dân của làng đã nhìn nước qua cái khe hẹp của làng. Họ coi cộng đồng siêu làng hay cộng đồng nước chỉ là một thứ « làng lớn ». Như vậy là tâm lý làng được phóng chiếu lên quy mô nước. Đó cũng là một thực tế cần thấy trong lịch sử và cần khắc phục trong hiện tại.

Tóm lại chúng ta cần phải đánh giá khách quan vị trí của làng xã trong lịch sử và trong hiện tại. Và muốn có một sự đánh giá như vậy, không thể tìm hiểu làng tách rời các mối liên hệ liên làng và siêu làng.

HA Van Tan

#### LANG, UNION OF LANG AND ITS RELATIONS WITH A LARGER COMMUNITY

The author does not examine *lang* independently, but pays notable attention on relations of *lang* with the outside, i. e. examines relations outside its structure. Consequently, he puts forth new notions *union of lang* (relations between a lang and other ones) and *metalang* (relations between a lang and a larger community or region).

Ха Ван Тан

#### ЛАНГ, ОБЪЕДИНЁННЫЙ ЛАНГ И СВЕРХЛАНГ

Автор не только рассматривает «ланг», взятое отдельно но и интересуется связью «ланг» с внешней средой, т. е. внеструктурными отношениями. Отсюда автором выдвигаются термины «объединённый ланг» (отношения междуразными ланг) и сверхланг (отношения между ланг и более огромной общностью или районом).